

BỘ TÀI CHÍNH
Số: 41/2001/TT-BTC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 12 tháng 6 năm 2001

THÔNG TƯ

Hướng dẫn bổ sung việc miễn, giảm thuế sử dụng đất nông nghiệp năm 2001 theo Nghị quyết số 05/2001/NQ-CP

Căn cứ Nghị quyết số 05/2001/NQ-CP ngày 24/5/2001 của Chính phủ về việc bổ sung một số giải pháp điều hành kế hoạch kinh tế năm 2001;

Bộ Tài chính hướng dẫn bổ sung việc giảm, miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp năm 2001 như sau:

I. ĐỐI TƯỢNG, MỨC MIỄN, GIẢM VÀ HOÀN THUẾ SỬ DỤNG ĐẤT NÔNG NGHIỆP NĂM 2001:

1. Miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp phải nộp năm 2001 cho tất cả các hộ sản xuất nông nghiệp thuộc các xã đặc biệt khó khăn miền núi và vùng sâu, vùng xa thuộc Chương trình 135 của Chính phủ và các hộ sản xuất nông nghiệp thuộc diện hộ nghèo trong cả nước (Hộ nghèo được xác định theo chuẩn hộ nghèo tại Quyết định số 1143/2000/QĐ-LĐTBXH ngày 1/11/2000 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và quy định cụ thể của từng tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương).

2. Giảm 50% thuế sử dụng đất nông nghiệp phải nộp cho toàn bộ diện tích đất thực tế trồng lúa và cà phê trong cả nước năm 2001. Số thuế sử dụng đất nông nghiệp phải nộp là số thuế còn phải thu trên diện tích đất trồng lúa và cà phê của năm 2001 (không bao gồm số thuế thừa, thiếu năm trước chuyển qua) sau khi đã được miễn, giảm thuế theo các quy định hiện hành trừ việc tính miễn, giảm thuế do giảm giá đối với diện tích đất trồng lúa và cà phê theo quy định tại Điểm 2c - Mục II - Thông tư số 79/2000/TT-BTC ngày 28/7/2000 của Bộ Tài chính.

Đối tượng được xét giảm 50% thuế theo quy định tại Điểm này là tất cả các hộ gia đình nông dân, hợp tác xã, doanh nghiệp, các tổ chức kinh tế - xã hội trong năm 2001 sử dụng đất sản xuất nông nghiệp vào trồng lúa (bao gồm diện tích đất trồng 2 vụ lúa hoặc 1 vụ lúa là chính, đất chuyên mạ) và đất trồng cà phê thuộc diện chịu thuế SDĐNN theo quy định.

3. Hoàn thuế: Các hộ gia đình, cá nhân, hợp tác xã, doanh nghiệp, các tổ chức kinh tế xã hội (gọi tắt là các đối tượng) đã nộp thừa thuế SDĐNN tính theo vụ hoặc theo năm của năm 2001 được ngân sách nhà nước hoàn lại số thuế SDĐNN đã nộp thừa. Số thuế SDĐNN đã nộp thừa được xác định bằng số thuế SDĐNN thực nộp theo vụ, hoặc theo năm trừ đi số thuế SDĐNN phải nộp của năm 2001 (theo vụ, theo năm) sau khi đã được miễn, giảm theo các quy định hiện hành và quy định tại Điểm 1 và 2, Mục I Thông tư này.

II. TRÌNH TỰ, THỦ TỤC VÀ THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT MIỄN, GIẢM THUẾ, HOÀN THUẾ:

1. Lập danh sách các đối tượng thuộc diện miễn, giảm thuế SDĐNN:

1.1. Đối với các đối tượng nộp thuế SDĐNN do xã, phường, thị trấn quản lý:

* Đội thuế xã, phường, thị trấn phối hợp với Hội đồng tư vấn thuế xã, phường, thị trấn có trách nhiệm:

- Căn cứ danh sách các xã đặc biệt khó khăn miền núi và vùng sâu, vùng xa ban hành kèm theo Quyết định số 135/1998/QĐ-TTg ngày 31/7/1998, Quyết định số 1232/1999/QĐ-TTg ngày 24/12/1999, Quyết định số 647/2000/QĐ-TTg ngày 12/7/2000 và Quyết định số 42/2001/QĐ-TTg ngày 26/3/2001 của Thủ tướng Chính phủ để lập danh sách các hộ được xét miễn thuế SDĐNN trên địa bàn thôn, xã theo Mẫu số 01/MT đính kèm Thông tư này.

- Căn cứ quy định của UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và danh sách hộ nghèo đã được cấp có thẩm quyền xét duyệt theo Quyết định số 1143/2000/QĐ-LĐTBXH ngày 1/11/2000 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, lập danh sách các hộ nghèo được xét miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp năm 2001 theo Mẫu số 02/MT đính kèm Thông tư này.

- Căn cứ bộ thuế sử dụng đất nông nghiệp năm 2001 đối với diện tích đất thực tế trồng lúa, cà phê; lập danh sách từng đối tượng thuộc diện được xét giảm 50% thuế sử dụng đất nông nghiệp còn lại phải nộp theo quy định tại Điểm 2, Mục I, Thông tư này (lập theo Mẫu số 03/GT đính kèm).

- Danh sách các đối tượng được xét miễn, giảm thuế phải được niêm yết công khai tại UBND xã và các địa điểm thuận tiện để nhân dân biết và giám sát. Sau 10 ngày niêm yết, nếu không có ý kiến thắc mắc thì đội thuế tổng hợp danh sách các hộ nộp thuế thuộc diện được xét miễn, giảm thuế sử dụng đất nông nghiệp nêu trên trình UBND xã.

- Khi lập danh sách các đối tượng đề nghị miễn, giảm thuế trên đây cần phân định riêng các đối tượng nộp thuế là các doanh nghiệp, hợp tác xã, các tổ chức kinh tế - xã hội.

* UBND xã, phường, thị trấn có trách nhiệm:

- Lập tờ trình về số đối tượng và số thuế đề nghị xét miễn, giảm (theo các biểu mẫu chi tiết đính kèm) trình UBND huyện xét duyệt.

- Thông báo quyết định miễn giảm thuế đến từng hộ thuộc diện miễn, giảm thuế sử dụng đất nông nghiệp sau khi có Quyết định của cấp có thẩm quyền quy định tại Điểm 2.2, Mục II, Thông tư này.

- Tổ chức việc hoàn lại thuế nộp thừa theo quy định tại Điểm 3, Mục I và Khoản 3.1, Điểm 3, Mục III, Thông tư này.

* Đội thuế xã, phường, thị trấn đối chiếu với sổ bộ thuế theo vụ hoặc cả năm, lập danh sách các hộ đã nộp thừa thuế SDĐNN theo Mẫu số 04/HT tính đến thời điểm thu thuế theo vụ hoặc năm để UBND xã báo cáo UBND huyện đề nghị nguồn hoàn trả cho các đối tượng đã nộp thừa thuế SDĐNN.

Trường hợp hộ nộp thừa thuế SDĐNN đồng ý chuyển nộp kỳ sau, năm sau thì không phải lập danh sách theo Mẫu số 04/HT và tiếp tục theo dõi trên bộ thuế để chuyển trừ vào vụ sau, năm sau.

1.2. Đối với các doanh nghiệp nhà nước, các tổ chức sản xuất nông nghiệp: